**ĐỀ ÁN TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN TRONG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC,**

hp

**Hà Nội, năm 2022**

**GIỚI THIỆU CÔNG ƯỚC CHỐNG TRA TẤN, PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ PHÒNG, CHỐNG TRA TẤN**

**VIÊN CHỨC VÀ NHÂN DÂN VỀ NỘI DUNG CỦA CÔNG ƯỚC CHỐNG TRA TẤN VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ PHÒNG, CHỐNG TRA TẤN**

**THUẬT NGỮ VIẾT TẮT**

|  |  |
| --- | --- |
| Công ước Chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người | Công ước Chống tra tấn |
|  |  |

**CHUYÊN ĐỀ 1. KHÁI NIỆM TRA TẤN**

**I. KHÁI NIỆM TRA TẤN**

**Tra tấn là gì ?**

“…"Tra tấn" có nghĩa là bất kỳ hành vi nào cố ý gây đau đớn hoặc đau khổ nghiêm trọng về thể xác hay tinh thần cho một người, nhằm mục đích thu thập thông tin hoặc lời thú tội từ người đó hay một người thứ ba, hoặc để trừng phạt người đó vì một hành vi mà người đó hay người thứ ba đã thực hiện hay bị nghi ngờ đã thực hiện, hoặc để đe doạ hay ép buộc người đó hoặc người thứ ba, hoặc vì bất kỳ một lý do nào khác dựa trên sự phân biệt đối xử dưới mọi hình thức, khi nỗi đau đớn và đau khổ đó do một công chức hay người được sự đồng ý/ chấp thuận/xúi giục của công chức thực hiện”[[1]](#footnote-1).

**CÁC DẤU HIỆU CỦA HÀNH VI TRA TẤN**

 - *Về chủ thể thực hiện hành vi tra tấn*: hành vi tra tấn được thực hiện bởi một trong hai chủ thể sau:

 + Nhân viên công quyền (cán bộ, công chức, viên chức)

 + Người khác mà được nhân viên công quyền đồng ý hoặc cho phép hoặc xúi giục (yêu cầu) thực hiện hành vi tra tấn.

 - *Về mặt chủ quan*: Được thực hiện với lỗi cố ý

 Lỗi cố ý là trường hợp người thực hiện hành vi nhận thức rõ hành vi của mình nguy hiểm cho xã hội hoặc sẽ gây thiệt hại, tuy nhiên vẫn mong muốn hậu quả xảy ra hoặc tuy không mong muốn nhưng để mặc cho hậu quả xảy ra.

 - *Về hành vi khách quan*: Bất cứ hành vi nào gây đau đớn hoặc đau khổ nghiêm trọng về thể xác hay tinh thần cho một người.

 Có thể là:

 + Sử dụng vũ lực tác động trực tiếp lên cơ thể con người: đánh đập, đâm chém, dùng điện, tra hỏi liên tục, để đói, khát, ăn nhạt/mặn, bắt đứng hoặc quỳ dưới sức nóng, bắt cởi quần áo trong trời giá rét...;

 + Bằng lời nói thô bạo tác động vào tâm lý, tinh thần, tình cảm người khác như sỉ nhục, lăng mạ, xúc phạm người đó hoặc người thân của người đó (như cha, mẹ, vợ, con, người thân khác hoặc đồng chí, đồng đội) làm cho họ sợ hãi, tinh thần suy sụp.

 Hậu quả là gây đau đớn và khổ sở nghiêm trọng cho cả tinh thần và thể xác, tâm lý của người bị tra tấn.

 - *Về mục đích*: Để lấy thông tin hoặc trừng phạt vì một việc mà người đó đã làm vì lý do công vụ.

 Ví dụ như trực tiếp tác động vào thể xác hoặc tinh thần của người bị tra tấn để họ phải khai báo, thú nhận nhưng cũng có thể tác động vào tâm lý của người thứ ba để họ thấy sợ hãi, lo lắng, thương xót cho người bị tra tấn mà khai báo, thú nhận hoặc đưa ra những thông tin trái với ý muốn, suy nghĩ của họ.

**Bạo lực học đường có phải hành vi tra tấn không?**

***Trả lời:***

Bạo lực trong học đường không phải là tra tấn, mặc dù hành vi này có thể khiến nạn nhân bị thương tích, bị tổn thương về tinh thần.

Bởi chủ thể thực những hành vi bạo lực học đường không phải là nhân viên công quyền của Nhà nước (cán bộ, công chức nhà nước đang thi hành công vụ) hoặc người được nhân viên công quyền đồng ý/cho phép thực hiện hành vi bạo lực với người khác. Trong khi đó bạo lực học đường do học sinh thực hiện (không phải nhân viên công quyền; cũng không phải do nhân viên công quyền đồng ý/cho phép). Mục đích của hành vi bạo lực học đường là mâu thuẫn cá nhân giữa các em học sinh chứ không phải để lấy thông tin hoặc trừng phạt vì lý do công vụ.

**MỘT SỐ LƯU Ý**:

+ Công ước CAT loại trừ sự đau đớn hay khổ sở gây ra một cách ngẫu nhiên hoặc sẵn có, không thể tránh khỏi bởi các hình phạt được pháp luật của quốc gia thành viên quy định. Tuỳ theo pháp luật của các nước khác nhau, sự quy định này là khác nhau. Nhưng nhìn chung, để ngăn chặn một hành vi phạm tội, ngăn chặn người phạm tội bỏ trốn... pháp luật cho phép người có thẩm quyền được sử dụng vũ lực ở một mức độ nhất định để thực thi nhiệm vụ của mình; việc áp dụng một số hình phạt được pháp luật các quốc gia cho phép như hình phạt tử hình, hình phạt roi… không bị coi là hành vi tra tấn.

+ Những hành vi gây ra đau đớn chỉ được coi là tra tấn khi nó được thực hiện với mục đích nhất định, thẩm quyền nhất định. Như vậy nếu có một vụ ẩu đả, đánh đập diễn ra trên đường phố thì dù có thể nạn nhân bị thương tích, bị xâm hại nhưng những người thực hiện hành vi đó không theo bất kỳ một mệnh lệnh hay dưới quyền lực của chính quyền, quân đội, tư pháp thì đó không phải là tra tấn (mà theo pháp luật Việt Nam là hành vi cố ý gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe của người khác). Trái lại, nếu hành vi trên do một nhóm người thuộc lực lượng có thẩm quyền thực hiện thì đó là tra tấn.

+ Tra tấn phải được thực hiện cố ý, trái ý muốn nạn nhân và khi nạn nhân trong tình trạng không thể tự vệ được. Như vậy trong các trường hợp những sự đau đớn nghiêm trọng được thực hiện một cách vô ý như A vô tình làm bị thương B; A cố tình làm B bị thương và B đồng ý để cho A làm bị thương mình thì các trường hợp này không phải là tra tấn. Trên thực tế tra tấn không thể xảy ra nếu không tước bỏ quyền tự chủ của nạn nhân trong quá trình tra tấn. Tra tấn được thực hiện với mục đích tê liệt ý chí của nạn nhân. Người thực hiện hành vi tra tấn sẽ cố ý thực hiện việc kiểm soát đối với cơ thể và các giác quan của nạn nhân (gây ra sự đau đớn).

+ Cần phải phân biệt tra tấn với cưỡng ép.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Tra tấn | Cưỡng ép |
| - Chủ thể | Công chức nhà nước | Bất kỳ người nào |
| - Mục đích | Lấy thông tin, trừng phạt | Bắt người bị cưỡng ép thực hiện theo ý chí chủ quan của người cưỡng ép |
| - Lỗi | Cố ý | Cố ý |
| - Hành vi khách quan | Sử dụng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực; tác động vào tâm lý, tinh thần, tình cảm người khác như sỉ nhục, lăng mạ, xúc phạm | Sử dụng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực; tác động vào tâm lý, tinh thần, tình cảm người khác như đe dọa, nêu điều kiện, chửi mắng, bắt phải làm theo.  |
| Ví dụ | Cán bộ điều tra dùng nhục hình đối với người bị tạm giữ, tạm giam để lấy lời khai | Kẻ cướp đe dọa xâm phạm tính mạng để một người phải miễn cưỡng giao tài sản. |

**II. MỘT SỐ VÍ DỤ**:

**Ví dụ 1:**

Cảnh sát giao thông đang thực hiện nhiệm vụ tại ngã tư thì phát hiện có 01 người không đội mũ bảo hiểm nên đã ra hiệu lệnh yêu cầu dừng xe vào lề đường nhưng người vi phạm không chấp hành. Cảnh sát đó đã dùng dùi cui vụt vàotay người vi phạm. Đề nghị cho biết, hành vi của cảnh sát có phải là tra tấnkhông?

***Trả lời***

Đây không phải là hành vi tra tấn. Mặc dù chủ thể thực hiện hành vi này là: Cảnh sát giao thông (là công chức Nhà nước); hành vi này thực hiện với lỗi cố ý, sử dụng vũ lực tác động trực tiếp lên người tham gia giao thông; mục đích nhằm trừng phạt người tham gia vì họ đã không đội mũ bảo hiểm và không chấp hành hiệu lệnh của cảnh sát.

Tuy nhiên, hành vi cảnh sát giao thông dùng dùi cui vụt vào tay không gây ra hậu quả nghiêm trọng đến sức khỏe hay tinh thần của người vi phạm. Vậy nên đây không phải hành vi tra tấn.

**Ví dụ 2:**

Ông M bị tố cáo có hành vi dâm ô trẻ em. Tại trụ sở công an huyện, cán bộ Y đã trói chân, trói tay dùng gậy đánh liên tiếp vào người để bắt ông M khai nhận. Hỏi hành vi của cán bộ Y có phải là tra tấn không?

***Trả lời:***

 Hành vi trên là tra tấn vì

 (1) Về mặt chủ quan: Được thực hiện với lỗi cố ý.

 (2) Về hành vi: Trói chân, trói tay dùng gậy đánh liên tiếp vào người

 (3) Yếu tố mục đích: Lấy lời khai, thu thập thông tin, lời thú tội.

 (4) Chủ thể: Là cán bộ điều tra - một nhân viên công quyền.

**Ví dụ 3:**

Y đang thi hành án phạt tù và thường xuyên bị K là phạm nhân cùng phòng giam đánh đập gây tổn hại nghiêm trọng về mặt tinh thần. Cán bộ quản lý trại giam biết việc này nhưng không can thiệp và cho rằng đó là hành động răn đe do Y hay vi phạm kỷ luật trong nhà giam. Hỏi hành vi của K có phải tra tấn không?

***Trả lời:***

 Hành vi trên là tra tấn vì

 (1) Về mặt chủ quan: Được thực hiện với lỗi cố ý.

 (2) Về hành vi: Đánh trực tiếp vào người

 (3) Hậu quả: Gây tổn hại nghiêm trọng về mặt tinh thần.

 (4) Mục đích: Trừng phạt

 (5) Chủ thể: Cá nhân thực hiện hành vi trên cơ sở sự cho phép, chấp thuận, đồng tình của cán bộ, công chức nhà nước

|  |  |
| --- | --- |
|  | Hình phạt tử hình là hình phạt còn tồn tại ở nhiều quốc gia (trong đó có Việt Nam). Đề nghị cho biết, tử hình có phải là tra tấn không? |

***Trả lời:***

 Việc áp dụng hình phạt tử hình không phải là hành vi tra tấn bởi:

 Tử hình là hình phạt đặc biệt được pháp luật quy định nhằm tước bỏ quyền sống của người bị kết án. Hình phạt tử hình được quy định trong pháp luật quốc gia nhằm trừng trị người phạm tội và giáo dục người khác tôn trọng pháp luật.

Công ước CAT không bắt buộc các quốc gia thành viên phải loại bỏ hình phạt tử hình nhưng khuyến khích bỏ hình phạt tử hình trong cơ cấu các hình phạt đối với người phạm tội.

**Bạn có biết**

|  |
| --- |
| **Hành vi “tra tấn” được phân biệt với hành vi “đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhận đạo hoặc hạ nhục con người” như sau:**(1) Chủ thể: + Tra tấn: chủ thể thực hiện là cán bộ, công chức nhà nước hoặc cá nhân được trao quyền thi hành công vụ; cá nhân thực hiện hành vi trên cơ sở sự cho phép, chấp thuận, đồng tình của cán bộ, công chức nhà nước.+ Đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người: Chủ thế là bất kỳ người nào.(2) Mức độ nghiêm trọng của tổn thương: + Tra tấn: Gây ra các tổn thương nghiêm trọng.+ Đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục: Có thể gây ra tổn thương nghiêm trọng hoặc không nghiêm trọng.(3) Yêu cầu của Công ước đối với quốc gia thành viên+ Tra tấn: Công ước cấm tuyệt đối (không có ngoại lệ, không được miễn trừ trách nhiệm trong mọi trường hợp). + Đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người: Công ước yêu cầu các quốc gia thành viên phải “ngăn chặn”, không được quy định theo hướng cấm tuyệt đối (Điều 16 Công ước Chống tra tấn). |

**CHUYÊN ĐỀ 2. SỰ RA ĐỜI CỦA CÔNG ƯỚC CHỐNG**

 **TRA TẤN VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CÔNG ƯỚC CHỐNG TRA TẤN**

**I. SỰ RA ĐỜI CỦA CÔNG ƯỚC CHỐNG TRA TẤN**

**Công ước Chống tra tấn được ra đời như thế nào?**

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

Ngày 9/12/1975, Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua Tuyên ngôn về bảo vệ tất cả mọi người khỏi tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục được (Nghị quyết 3452(XXX)). Tuyên ngôn này được coi là điểm khởi đầu cho các nỗ lực về chống tra tấn của cộng đồng quốc tế. Cùng với Tuyên ngôn ngày, Đại hội đồng Liên hợp quốc cũng thông qua Nghị quyết 3453(XXX) đề nghị Hội đồng Nhân quyền thực hiện các nghiên cứu cũng như các bước cần thiết để đảm bảo thực hiện Tuyên ngôn về chống tra tấn được hiệu quả. Hai năm sau (năm 1977), Đại hội đồng Liên hợp quốc chính thức yêu cầu Hội đồng Nhân quyền xây dựng một bản dự thảo Công ước về chống tra tấn dựa trên các nguyên tắc đã được ghi nhận tại Tuyên ngôn về chống tra tấn.

Ủy ban Nhân quyền đã bắt đầu công việc xây dựng dự thảo Công ước chống tra tấn từ tháng 2-3/1978. Một nhóm chuyên gia đã được thành lập nhằm phục vụ cho hoạt động thảo luận, xây dựng dự thảo Công ước và dự thảo đầu tiên đã được đề xuất bởi Thụy Điển. Trong những năm tiếp theo, một nhóm chuyên gia khác được thành lập để hoàn thiện nội dung dự thảo Công ước. Đến năm 1984, dự thảo Công ước đã hoàn thiện và được chuyển để thảo luận, thông qua tại Đại hội đồng Liên hợp quốc.

Công ước Chống tra tấn có tên đầy đủ là Công ước chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người (viết tắt là Công ước CAT) và được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua ngày 10/12/1984 bằng Nghị quyết 39/46. Công ước có hiệu lực từ ngày 26/6/1987 sau khi được 20 quốc gia phê chuẩn gia nhập.

**Ý NGHĨA SỰ RA ĐỜI CỦA CÔNG ƯỚC CAT**

Công ước CAT là một trong 09 công ước quốc tế cơ bản về quyền con người của Liên hợp quốc.

 Đến nay, Công ước CAT đã có 166 quốc gia thành viên. Sự ra đời và mức độ phổ biến của Công ước đã khẳng định nỗ lực, quyết tâm chung của cộng đồng quốc tế trong cuộc đấu tranh chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn ác, vô nhân đạo hoặc hạ nhục khác trên toàn thế giới.

Việc Đại hội đồng thông qua Công ước Chống tra tấn là sự kiện lịch sử mang đậm dấu ấn tiến bộ của nhân loại trong nỗ lực bảo vệ con người khỏi bị tra tấn là bước đột phá trong cuộc đấu tranh phòng, chống tra tấn trên toàn thế giới và là công cụ hữu hiệu để loại bỏ hoàn toàn hành vi tra tấn ra khỏi đời sống của xã hội văn minh.

**II. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CÔNG ƯỚC CHỐNG TRA TẤN**

**1. Nội dung cơ bản của Công ước chống tra tấn**

Nội dung cơ bản của Công ước chống tra tấn bao gồm 3 phần:

**2. Nghĩa vụ của các quốc gia thành viên của Công ước Chống tra tấn**

Nghĩa vụ của Quốc gia thành viên Công ước chống tra tấn

Nghĩa vụ trừng phạt các hành vi tra tấn

Nghĩa vụ ngăn ngừa hành vi tra tấn

Nghĩa vụ cấm các hành vi tra tấn

**3. Nghĩa vụ của Quốc gia thành viên để nghiêm cấm hành vi tra tấn**

Để nghiêm cấm hành vi tra tấn, các quốc gia thành viên của Công ước CAT có những nghĩa vụ sau đây:

- Áp dụng các biện pháp lập pháp, hành pháp, tư pháp và các biện pháp khác (Điều 2 Công ước Chống tra tấn);

- Nghĩa vụ hình sự hóa hành vi tra tấn (Điều 4 Công ước Chống tra tấn);

- Quyền tài phán (Điều 5 Công ước Chống tra tấn);

- Nghĩa vụ không trục xuất, trao trả hoặc dẫn độ (Điều 3 Công ước Chống tra tấn).

 **a) Nghĩa vụ áp dụng các biện pháp lập pháp, hành pháp, tư pháp và các biện pháp khác của quốc gia thành viên Công ước chống tra tấn**

Quốc gia thành viên áp dụng các biện pháp lập pháp, hành pháp, tư pháp theo quy định của Công ước chống tra tấn như thế nào?

- Về biện pháp lập pháp: Công ước quy định các quốc gia thành viên có nghĩa vụ phải ghi nhận bằng pháp luật quyền không bị tra tấn của mọi công dân; nghiêm cấm hành vi tra tấn và phải quy định tra tấn là một tội phạm, bị xét xử với chế tài nghiêm khắc nhằm răn đe, ngăn ngừa hành vi tra tấn, bảo vệ tính mạng, danh dự và nhân phẩm của con người; đồng thời, ban hành mới hoặc chỉnh sửa các quy định hiện hành để các quy định pháp luật nội dung và tố tụng (hình thức) của quốc gia đều đảm bảo quyền không bị tra tấn cho tất cả mọi người trên lãnh thổ quốc gia.

- Về biện pháp hành pháp: Công ước yêu cầu các quốc gia thành viên phải bảo đảm và tôn trọng quyền không bị tra tấn, trừng phạt hay đối xử tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ thấp nhân phẩm của mọi công dân, trong đó, đặc biệt lưu ý đến việc xây dựng các quy chuẩn đạo đức, nghề nghiệp cho các cán bộ, viên chức; đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục cho các quan chức thực thi pháp luật để triệt tiêu các vi phạm pháp luật của các nhân viên công quyền nói chung và nhân viên hành pháp nói riêng.

- Về biện pháp tư pháp: Công ước đòi hỏi các quốc gia thành viên phải bảo đảm thực hiện quyền không bị tra tấn, trừng phạt hoặc đối xử tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ thấp nhân phẩm của công dân trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án. Đây là những hoạt động có nhiều nguy cơ xảy ra hành vi tra tấn đối với bị can, bị cáo; người bị tạm giữ, tạm giam; người đang chấp hành án phạt tù. Do đó, các hoạt động tư pháp phải tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật để bảo đảm yêu cầu của Công ước; cùng đó, phải có hệ thống giám sát hiệu quả để đảm bảo tính khách quan, chính xác và kịp thời của các hoạt động tư pháp, hạn chế đến mức thấp nhất sự xâm hại đến quyền và lợi ích chính đáng của người dân.

- Các biện pháp khác: các biện pháp nhằm hỗ trợ, nâng cao hiệu quả của các quy định cấm tra tấn, chẳng hạn như tuyên truyền, phổ biến pháp luật; đào tạo cán bộ….

Khoản 2 Điều 2 Công ước khẳng định rằng, không có bất cứ một trường hợp ngoại lệ nào, kể cả trong trường hợp một quốc gia đang trong tình trạng chiến tranh hoặc có nguy cơ chiến tranh, hoặc có sự bất ổn định về chính trị nội bộ hoặc bất cứ tình trạng khẩn cấp chung nào có thể biện hộ cho hành động tra tấn.

Bên cạnh đó, Công ước cũng quy định không được viện dẫn mệnh lệnh của một sĩ quan cao cấp hoặc một cơ quan công quyền để biện minh cho hành vi tra tấn (khoản 3 Điều 2).

**b) Nghĩa vụ hình sự hóa hành vi tra tấn**

Theo Công ước Chống tra tấn, nghĩa vụ hình sự hóa các hành vi tra tấn được hiểu như thế nào?

Nhằm mục đích nghiêm cấm triệt để các hành vi tra tấn, Công ước quy định nghĩa vụ của các quốc gia thành viên phải hình sự hóa hành vi này để có thể áp dụng những hình phạt thích đáng, nhằm trừng phạt những người thực hiện hành vi tra tấn. Nội dung này được quy định tại Điều 4 như sau:

*“1. Các quốc gia thành viên phải đảm bảo rằng mọi hành vi tra tấn đều là tội phạm theo pháp luật hình sự của nước đó. Quy định này cũng phải áp dụng đối với những hành vi chuẩn bị thực hiện việc tra tấn và hành vi đồng phạm hoặc tham gia vào việc tra tấn.*

*2. Các quốc gia thành viên phải trừng trị những tội phạm này bằng những hình phạt thích đáng tương ứng với tính chất nghiêm trọng của hành vi”.*

Điều này yêu cầu các quốc gia thành viên phải bảo đảm rằng mọi hành vi tra tấn đều bị coi là tội phạm và bị truy cứu trách nhiệm hình sự với khung hình phạt nghiêm khắc. Theo đó, bất kỳ nhân viên công quyền hoặc người không phải là nhân viên công quyền nhưng được sự đồng ý hay chấp thuận của một nhân viên công quyền hoặc một người khác có quyền lực như một nhân viên công quyền trong khi thực thi công vụ mà trực tiếp hoặc gián tiếp gây đau đớn về thể xác hoặc tinh thần cho người khác với mục đích để lấy thông tin, trừng phạt, gây hoảng sợ, cưỡng bức hoặc vì lý do phân biệt đối xử đều trở thành chủ thể của hành vi tra tấn và đều bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Với quy định này, Công ước yêu cầu phạm vi hình sự hoá tương đối rộng, không chỉ hạn chế trong phạm vi hoạt động tố tụng hình sự mà về lý thuyết, hành vi tra tấn có thể xảy ra trong tất cả hoạt động có mang tính thực thi công quyền.

 **c) Quyền tài phán của quốc gia thành viên Công ước chống tra tấn**

Điều 5 của Công ước Chống tra tấn quy định các quốc gia cần phải có cơ chế để bảo đảm việc xét xử các tội phạm về tra tấn sẽ được thực hiện trong phạm vi rộng nhất có thể, cụ thể như sau:

*“1. Mỗi quốc gia thành viên phải thực hiện những biện pháp cần thiết để thiết lập quyền tài phán của mình đối với những tội phạm quy định tại Điều 4 trong những trường hợp sau đây:*

*a) Khi tội phạm được thực hiện trên lãnh thổ thuộc phạm vi quyền tài phán quốc gia hoặc trên tàu bay hoặc tàu thuyền đã đăng ký ở quốc gia đó;*

*b) Khi người bị tình nghi phạm tội là công dân của quốc gia đó;*

*c) Khi nạn nhân là công dân của quốc gia đó nếu quốc gia đó thấy phù hợp.*

*2. Mỗi quốc gia thành viên cũng phải thực hiện những biện pháp cần thiết để thiết lập quyền tài phán của mình đối với những tội phạm nêu trên trong trường hợp người bị tình nghi phạm tội đang có mặt trên bất cứ vùng lãnh thổ thuộc phạm vi quyền tài phán của quốc gia và không thực hiện việc dẫn độ người này theo quy định tại Điều 8 đến bất kỳ quốc gia nào được quy định trong khoản 1 của Điều này.*

*3. Công ước này không loại trừ các quyền tài phán hình sự được thực thi/áp dụng theo pháp luật quốc gia”.*

Theo quy định nói trên, các quốc gia có hai sự lựa chọn là: (i) thiết lập quyền tài phán trên cơ sở quy định của Công ước; hoặc (ii) áp dụng theo pháp luật quốc gia. Trong 166 quốc gia thành viên của Công ước tính đến thời điểm hiện tại, hầu hết các quốc gia đều quy định về quyền tài phán theo như quy định tại Điều 5 Công ước (Việt Nam cũng nằm trong số này). Tuy vậy, việc xác lập quyền tài phán của các quốc gia khác nhau có thể khác nhau.

Hành vi tra tấn bị cấm tuyệt đối, do đó, hiện nay, thế giới đang công nhận tra tấn là một tội phạm thuộc phạm vi tài phán phổ quát.

Thẩm quyền phổ quát thường được mô tả như khả năng truy tố người có mặt trên lãnh thổ của một quốc gia về tội phạm thực hiện bên ngoài lãnh thổ của quốc gia đó mà không có mối liên hệ với quốc gia đó về quốc tịch của người bị tình nghi hoặc của người bị hại hoặc bởi việc gây nguy hại cho lợi ích của quốc gia đó. Công ước Chống tra tấn là điều ước quốc tế đầu tiên quy định về quyền tài phán phổ quát đối với các tội phạm tra tấn ngoài phạm vi của một cuộc xung đột vũ trang.

 **d) Nghĩa vụ không trục xuất, trao trả hoặc dẫn độ trong Công ước Chống tra tấn**

Điều 3 của Công ước cũng đồng thời yêu cầu các quốc gia phải ngăn ngừa khả năng hành vi này sẽ được thực hiện đối với những người bị trục xuất, trao trả hoặc dẫn độ từ quốc gia mình, cụ thể là:

*“1. Các quốc gia thành viên không được trục xuất, trao trả hoặc dẫn độ một người cho một quốc gia khác nếu có đủ căn cứ để cho rằng người này có nguy cơ phải chịu sự tra tấn ở quốc gia đó.*

*2. Để xác định có hay không tồn tại các căn cứ trên, các cơ quan có thẩm quyền phải xem xét mọi yếu tố có liên quan, bao gồm cả, tình trạng xâm phạm quyền con người một cách trắng trợn, thô bạo, thường xuyên hoặc trên diện rộng ở quốc gia có liên quan, nếu có thể.”*

Theo Công ước, quốc gia thành viên không được trục xuất, dẫn độ, trao trả một người trở lại một nước mà ở đó người bị dẫn độ, trao trả, trục xuất có nguy cơ bị tra tấn. Điều giới hạn này chỉ áp dụng trong trường hợp có cơ sở chắc chắn để tin rằng người bị dẫn độ, trục xuất, trao trả có thể bị nguy hiểm do nguy cơ bị tra tấn.

"Trục xuất" được dùng trong tình huống đối tượng nhập cảnh một cách hợp pháp nhưng sau đó bị buộc rời khỏi lãnh thổ, còn "trao trả" dùng trong tình huống đối tượng nhập cảnh bất hợp pháp.

“Dẫn độ” là hành vi cơ quan có thẩm quyền của một quốc gia trao người cho cơ quan có thẩm quyền của quốc gia khác nhằm mục đích xét xử hoặc thi hành án, trong khi người bị trục xuất không bị trao cho cơ quan có thẩm quyền của nước khác và về nguyên tắc, người bị trục xuất có thể chọn quốc gia đến.

 **4. Nghĩa vụ trừng trị hành vi tra tấn của Quốc gia thành viên theo Công ước Chống tra tấn**

Nghĩa vụ trừng trị hành vi tra tấn gồm:

 **a) Hoặc dẫn độ hoặc truy tố:**

Điều 8 của Công ước quy định trách nhiệm của các quốc gia thành viên cần phải quy định hành vi tra tấn là một hành vi tội phạm hình sự và cần phải coi đó là một tội trong các tội được dẫn độ. Điều này có thể được quy định trong pháp luật quốc gia hoặc trong các điều ước quốc tế song phương về dẫn độ giữa các thành viên của Công ước.

Trường hợp quốc gia thành viên không thực hiện dẫn độ thì theo nguyên tắc “hoặc dẫn độ, hoặc truy tố”, quốc gia thành viên phải tiến hành tố tụng theo thẩm quyền của quốc gia mình, việc điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án đối với tội phạm này phải bảo đảm đúng trình tự tố tụng, phán quyết phải công bằng, công minh như những tội phạm khác. (Điều 7 Công ước Chống tra tấn).

 **b) Tương trợ tư pháp về hình sự**

Điều 9 của Công ước quy định nghĩa vụ của các quốc gia thành viên cung cấp tương trợ tư pháp trong phạm vi rộng nhất có thể để tiến hành các thủ tục tố tụng hình sự đối với các tội phạm này. Theo đó, các quốc gia thành viên phải hỗ trợ tối đa lẫn nhau trong quá trình tiến hành các thủ tục tố tụng hình sự đối với các tội phạm về tra tấn, kể cả việc cung cấp tất cả những chứng cứ cần thiết cho hoạt động tố tụng đã được quốc gia phát hiện.

Các quốc gia thành viên sẽ thực hiện nghĩa vụ phù hợp với các hiệp định tương trợ tư pháp được ký kết giữa các quốc gia.

 **5. Nghĩa vụ phòng ngừa các hành vi tra tấn của quốc gia thành viên Công ước Chống tra tấn**

Để phòng ngừa các hành vi tra tấn, các quốc gia thành viên của Công ước Chống tra tấn phải thực hiện những nghĩa vụ sau đây:

- Nghĩa vụ tuyên truyền chống tra tấn (Điều 10 Công ước)

- Bảo đảm quyền của người bị bắt, giam giữ (Điều 11 Công ước)

- Không sử dụng những lời khai là kết quả của hành vi tra tấn (Điều 15 Công ước)

- Nghĩa vụ ngăn chặn các hành vi đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người khác (Điều 16 Công ước).

**a) Nghĩa vụ tuyên truyền chống tra tấn**

Đảm bảo về giáo dục và thông tin đầy đủ đối với việc ngăn cấm tra tấn bao gồm cả việc đào tạo đội ngũ nhân viên thực thi pháp luật, dân sự hoặc quân sự, các nhân viên y tế, các quan chức nhà nước và những người khác có thể tham gia vào việc giam giữ, thẩm vấn và đối xử với bất kỳ một cá nhân nào chịu bất cứ hình thức bắt giữ, tạm giam và bỏ tù nào là một phương thức hiệu quả, lâu dài để phòng, chống tra tấn và dần đi đến loại bỏ hành vi này. Các thành viên phải đưa việc cấm tra tấn vào nguyên tắc, chỉ dẫn về nhiệm vụ và chức năng của những người này là nội dung của Điều 10:

*“1. Quốc gia thành viên phải đảm bảo rằng việc nghiêm cấm hành vi tra tấn phải được phổ biến và tuyên truyền đầy đủ trong các chương trình đào tạo nhân viên thực thi pháp luật, dân sự hoặc vũ trang, nhân viên y tế, các nhân viên công quyền và những người khác có thể liên quan đến việc bắt giữ, thẩm vấn hay xử lý đối với các cá nhân chịu bất cứ hình thức bắt, giam giữ hoặc phạt tù nào.*

*2. Mỗi quốc gia thành viên phải đưa lệnh cấm này vào các quy tắc hoặc hướng dẫn về chức năng và nhiệm vụ của những người nêu trên”.*

Điều khoản này khẳng định các quốc gia thành viên phải bảo đảm giáo dục, tuyên truyền đến tất cả các nhóm, tổ chức nghề nghiệp hoặc chuyên môn về bảo vệ và đối xử nhân đạo đối với tù nhân. Đối tượng được giáo dục, tuyên truyền không chỉ bao gồm các cán bộ thực thi pháp luật, mà còn bao gồm tất cả các cán bộ liên quan trong quá trình tố tụng hình sự, những người chịu trách nhiệm đối với những người bị giam giữ hành chính và các hình thức bị tước tự do khác. Bởi vì, chính những đối tượng này là những người có vai trò quyết định quan trọng đến việc có hay không hành vi tra tấn trong thực tiễn. Nếu công tác giáo dục tuyên truyền có hiệu quả, bản thân họ có nhận thức đầy đủ về hành vi tra tấn và hậu quả của nó thì trong quá trình thi hành nhiệm vụ họ sẽ có ý thức chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về chống tra tấn... Nhân viên y tế một mặt phải có trách nhiệm chăm sóc sức khoẻ cho những người bị giam giữ, mặt khác trong quá trình làm việc họ có thể phải đối mặt đối với những nạn nhân bị tra tấn, khi đó cần thiết phải có sự công tâm của người thầy thuốc trong việc chăm sóc thương tổn và tinh thần làm cơ sở, chứng cứ quan trọng cho việc truy tố hành vi tra tấn của người vi phạm nếu có.

Khoản 2 Điều này yêu cầu quốc gia thành viên phải đưa ngay việc cấm hành vi tra tấn vào trong các quy tắc hay chỉ dẫn liên quan tới nhiệm vụ và chức năng của cán bộ thực thi pháp luật, nhân viên dân sự, quân sự, y tế, nhân viên công quyền, những người có thể tham gia vào việc giam giữ, thẩm vấn hoặc đối xử khác với bất kỳ một cá nhân nào chịu bất kỳ một hình thức bắt giữ, giam cầm nào. Đây được coi là nghĩa vụ bắt buộc và đặc biệt quan trọng, để họ ý thức đầy đủ về trách nhiệm và chấp hành nghiêm chỉnh trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

 **b) Nghĩa vụ bảo đảm quyền của người bị bắt, giam giữ của quốc gia thành viên Công ước chống tra tấn**

Một trong những biện pháp cơ bản nhất để phòng ngừa hành vi tra tấn chính là việc bảo đảm cho người bị bắt, giam giữ được tôn trọng các quyền hợp pháp của mình. Điều này đã được cụ thể hóa tại Điều 11 của Công ước, cụ thể như sau:

*“Nhằm ngăn chặn các hành vi tra tấn, mỗi quốc gia thành viên phải quy định một cách có hệ thống những nguyên tắc, chỉ thị, phương pháp và thông lệ cũng như việc bố trí giam giữ và đối xử với những người bị bắt, tạm giữ, tạm giam hay phạt tù trong lãnh thổ thuộc thẩm quyền tài phán quốc gia”.*

Theo quy định của Điều 11, quốc gia thành viên cần phải xem xét một cách hệ thống các quy tắc, hướng dẫn và biện pháp thẩm vấn (hỏi cung, lấy lời khai), cũng như việc bố trí giam giữ và đối xử với những người chịu bất kỳ hình thức bắt giữ, tạm giam, phạt tù trong lãnh thổ thuộc thẩm quyền tài phán của mình nhằm ngăn chặn sự tra tấn cũng như các hình thức đối xử tàn tệ, vô nhân đạo hay hạ thấp nhân phẩm hoặc trừng phạt khác.

Theo Nghị quyết số 45/111 ngày 14/12/1990 của Đại hội đồng Liên hợp quốc về “Những nguyên tắc cơ bản trong việc đối xử với tù nhân” thì: “Tất cả những người bị giam giữ sẽ được tôn trọng đối xử đúng giá trị và nhân phẩm vốn có của họ” và “Ngoài việc bị giam giữ - thể hiện sự giới hạn quyền tự do thân thể, tất cả các tù nhân phải được duy trì quyền con người và các quyền tự do cơ bản khác được nêu trong bản Tuyên bố chung về nhân quyền, và ở đâu mà nhà nước liên quan là một bên trong Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, văn hoá và còn được thể hiện trong Nghị định thư không bắt buộc, cũng như các quyền khác nêu ra trong các Công ước khác của Liên hợp quốc”.

 **c) Nghĩa vụ không sử dụng những lời khai lài kết quả của hành vi tra tấn của quốc gia thành viên Công ước**

Điều 15 của Công ước quy định:

*“Quốc gia thành viên phải bảo đảm rằng những lời khai được xác định là kết quả của hành vi tra tấn sẽ không được sử dụng làm chứng cứ trong quá trình tố tụng, trừ trường hợp lời khai đó được sử dụng làm bằng chứng để chống lại người bị cáo buộc đã có hành vi tra tấn”.*

Đây là nguyên tắc cơ bản trong hoạt động chứng minh vụ án hình sự, đòi hỏi mọi chứng cứ thu thập được phải theo đúng trình tự, thủ tục luật định. Những lời khai của một người thu thập được do bị tra tấn, đe doạ hay cưỡng ép... đều không được coi là một loại chứng cứ chứng minh vụ án hình sự. Nguyên tắc này vừa nhằm đảm bảo tính khách quan trong vụ án hình sự, bảo đảm bảo vệ các quyền con người khỏi các hành động tra tấn, đối xử tàn bạo, tàn bạo, vô nhân đạo. Để đảm bảo nguyên tắc này, các cơ quan, những người có thẩm quyền trong quá trình tiến hành tố tụng có nghĩa vụ xác định xem những lời khai có được có phải là kết quả của các hành động tra tấn hay không. Tuy nhiên, Công ước cũng khẳng định những lời khai đó sẽ có giá trị khi nó là những chứng cứ chứng minh cho việc bị tra tấn.

**d) Nghĩa vụ quốc gia thành viên về ngăn chặn các hành vi đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người khác trong Công ước Chống tra tấn**

Điều 16 Công ước Chống tra tấn quy định:

*“1. Quốc gia thành viên phải tiến hành ngăn chặn trong phạm vi lãnh thổ thuộc quyền tài phán quốc gia các hành vi đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người khác chưa đến mức bị coi là tra tấn theo khái niệm quy định tại Điều 1, do một nhân viên công quyền hay một người đang tiến hành công vụ thực hiện hoặc xúi giục hoặc đồng ý hoặc chấp thuận cho thực hiện. Cụ thể là những nghĩa vụ được quy định tại các điều 10, 11, 12 và 13 sẽ được áp dụng đối với các hành vi tương tự như tra tấn hoặc các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người khác.*

*2. Các quy định của Công ước này không làm ảnh hưởng đến các quy định về cấm các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hay hạ nhục con người hoặc có liên quan đến dẫn độ hay trục xuất trong văn kiện quốc tế khác hoặc pháp luật quốc gia”.*

Điều luật này được quy định nhằm đảm bảo hơn nữa quyền không bị tra tấn và đối xử, hình phạt tàn bạo, vô nhân đạo và phi nhân tính kể cả trong trường hợp định nghĩa về “tra tấn” ghi nhận trong Điều 1 Công ước chưa bao quát hết được, hoặc những hành động đối xử hoặc hình phạt tàn bạo, vô nhân đạo khác chưa đến mức được gọi là tra tấn như khái niệm xác định ở Điều 1, miễn là những hành động đó được thực hiện bởi, hoặc có sự xúi giục của, hoặc có sự chấp thuận hoặc đồng ý của một nhân viên công quyền hoặc một người khác đang thực hiện công vụ. Công ước yêu cầu các thành viên phải tiến hành các biện pháp cần thiết nhằm ngăn chặn các hành động này trên lãnh thổ của mình. Trách nhiệm về đào tạo cán bộ, thông tin nhanh chóng, các biện pháp ngăn chặn, hỏi cung, thẩm vấn... quy định trong các điều 10, 11, 12 và 13 Công ước được áp dụng để thay thế cho thẩm quyền giải quyết việc tra tấn hoặc những hình thức đối xử, trừng phạt phi nhân tính hoặc thoái hoá khác. Tuy nhiên, Công ước không đưa ra một định nghĩa cụ thể thế nào là hành vi đối xử, trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo và hạ nhục con người.

**6. Nghĩa vụ bảo vệ nạn nhân của hành vi tra tấn của các quốc gia thành viên Công ước Chống tra tấn**

**Nghĩa vụ bảo vệ nạn nhân của hành vi tra tấn:**

- Đảm bảo quyền khiếu nại, tố cáo của nạn nhân bị tra tấn;

- Nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho nạn nhân bị tra tấn.

 **a) Nghĩa vụ đảm bảo quyền khiếu nại, tố cáo của nạn nhân bị tra tấn**

Để đảm bảo quyền khiếu nại, tố cáo của nạn nhân bị tra tấn, Điều 13 Công ước ghi nhận quy định như sau:

*“Quốc gia thành viên phải bảo đảm rằng bất kỳ cá nhân nào cho rằng họ bị tra tấn trên bất cứ vùng lãnh thổ thuộc phạm vi quyền tài phán quốc gia đó đều có quyền khiếu nại và các cơ quan có thẩm quyền phải xem xét một cách kịp thời và công bằng khiếu nại đó. Đồng thời phải thực hiện các biện pháp đảm bảo cho người khiếu nại và các nhân chứng được bảo vệ khỏi sự ngược đãi hoặc đe doạ do việc khiếu nại hoặc cung cấp chứng cứ”.*

Theo quy định nói trên, quyền khiếu nại, tố cáo ở đây gồm 4 nội dung chủ yếu sau:

- Mọi người đều có quyền được gửi khiếu nại đến cơ quan chức năng có thẩm quyền;

- Các khiếu kiện cần được các cơ quan này xem xét, giải quyết một cách nhanh chóng, vô tư;

- Bản thân người khiếu nại và nhân chứng phải được bảo vệ;

- Nhà nước không được phép ngược đãi hay đe doạ người khiếu nại và nhân chứng.

**b) Nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho nạn nhân bị tra tấn**

Trách nhiệm hàng đầu của mỗi quốc gia khi ký kết, gia nhập Công ước là phải thực hiện các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa tra tấn và các hành vi trừng phạt, đối xử vô nhân đạo. Tuy nhiên, khi có bằng chứng để kết luận rằng hành vi tra tấn đã diễn ra thì quốc gia đó phải thực hiện bồi thường thiệt hại, đền bù xứng đáng cho nạn nhân và thành viên gia đình họ. Nghĩa vụ này đã được cụ thể hóa tại Điều 14 của Công ước như sau:

*“1. Quốc gia thành viên phải đảm bảo rằng trong hệ thống pháp luật quốc gia nạn nhân của mọi hành vi tra tấn được bồi thường và có quyền yêu cầu bồi thường tương xứng và công bằng, bao gồm cả những biện pháp để được phục hồi hoàn toàn ở mức tối đa có thể. Trong trường hợp nạn nhân bị chết do hành động tra tấn, những người phụ thuộc của nạn nhân phải được quyền nhận bồi thường.*

*2. Quy định tại Điều này không ảnh hưởng đến quyền được bồi thường của nạn nhân hoặc của những người khác theo quy định của pháp luật quốc gia”.*

Nghĩa vụ đền bù, bồi thường cho các cá nhân bị xâm phạm quyền cũng được ghi nhận trong các điều ước quốc tế về quyền con người, nguyên tắc và chuẩn mực đối xử với người bị tước tự do, phòng, chống tra tấn khác, chẳng hạn như: Công ước ICCPR,[[2]](#footnote-2) Tập hợp các nguyên tắc về bảo vệ những người dưới mọi hình thức giam, giữ; [[3]](#footnote-3) Các nguyên tắc về điều tra và lập tư liệu đầy đủ về hành vi tra tấn và hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người[[4]](#footnote-4); Tuyên bố về những Nguyên tắc tư pháp cơ bản đối với nạn nhân của hành vi phạm tội và sự lạm dụng quyền lực[[5]](#footnote-5); Các nguyên tắc cơ bản và Hướng dẫn về quyền có biện pháp giải quyết và bồi thường cho nạn nhân của các hành vi vi phạm nghiêm trọng luật nhân quyền và luật nhân đạo quốc tế[[6]](#footnote-6)….

Theo Công ước và các điều ước quốc tế liên quan thì việc thực hiện quyền bồi thường có hiệu quả cho nạn nhân phải bao gồm cả những thiệt hại về vật chất, tinh thần cho nạn nhân dưới các hình thức như: hoàn trả (khôi phục lại tình trạng giống với trước khi bị bắt), bồi thường (cho mọi thiệt hại có thể đánh giá được về kinh tế kể cả về thể xác và tinh thần một cách công bằng và đầy đủ), phục hồi chức năng (về sức khoẻ, tâm lý và các dịch vụ pháp lý, xã hội), bồi thường thoả đáng (bao gồm cả việc công bố sự thật, xin lỗi chính thức công khai...) và đảm bảo không để tái phạm.

Để thực hiện việc đền bù, bồi thường cho nạn nhân của hành vi tra tấn, quốc gia cần đảm bảo có biện pháp khắc phục hiệu quả bao gồm cả khắc phục về pháp lý và hành chính như có thể thông qua cơ quan nhân quyền quốc gia, uỷ ban bồi thường, uỷ ban hoà giải...

**7.** **Chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của Ủy ban chống tra tấn**

Theo quy định tại Điều 17 của Công ước Chống tra tấn, Ủy ban chống tra tấn là một cơ quan gồm những chuyên gia độc lập, được lựa chọn từ các thành viên của Công ước nhằm giám sát, thúc đẩy quá trình thực thi Công ước của các quốc gia thành viên. Uỷ ban Chống tra tấn giám sát, thúc đẩy quá trình thực thi Công ước thông qua các hoạt động cụ thể sau:

**8.** **Thủ tục trở thành thành viên của Công ước chống tra tấn**

**Làm thế nào để trở thành thành viên của Công ước chống tra tấn?**

Điều 25 và 26 của Công ước Chống tra tấn quy định các cách thức để một quốc gia có thể trở thành thành viên Công ước cũng như hiệu lực của Công ước như sau: Công ước này để ngỏ cho tất cả các quốc gia ký kết; Công ước này phải được phê chuẩn; Các văn kiện phê chuẩn sẽ được gửi cho Tổng thư ký Liên hợp quốc; Mọi quốc gia đều có thể gia nhập Công ước này; và việc gia nhập có hiệu lực khi văn kiện gia nhập được gửi cho Tổng thư ký Liên hợp quốc.

Theo quy định nêu trên, các hành vi tham gia vào điều ước của một quốc gia có thể được thực hiện thông qua: “ký”, “phê chuẩn” và “gia nhập”.

**9. Bảo lưu** **một hoặc một số điều khoản của Công ước Chống tra tấn**

Bảo lưu được hiểu là hành vi của các quốc gia nhằm loại trừ hoặc thay đổi hiệu lực của một hoặc một số điều khoản nhất định của điều ước quốc tế.

Đối với Công ước Chống tra tấn, Điều 28 Công ước quy định, quốc gia có quyền tuyên bố vào lúc ký, phê chuẩn hoặc gia nhập Công ước rằng, quốc gia không công nhận thẩm quyền của Ủy ban quy định tại Điều 20 Công ước, cụ thể như sau: tại thời điểm ký, phê chuẩn hoặc gia nhập Công ước này, quốc gia có thể tuyên bố không thừa nhận thẩm quyền của Ủy ban theo quy định tại Điều 20. Quốc gia thành viên bảo lưu theo quy định tại khoản 1 của Điều này có quyền rút lại bảo lưu tại bất kỳ thời điểm nào bằng cách thông báo cho Tổng thư ký Liên hợp quốc.

Như vậy, Công ước thuộc loại điều ước quốc tế chỉ cho phép bảo lưu trong một số quy định nhất định. Công ước không trao cho quốc gia thành viên quyền “bảo lưu” nhằm loại trừ hoàn toàn hiệu lực của bất kỳ điều khoản Công ước mà chỉ cho phép các quốc gia có quyền không thừa nhận một số thẩm quyền nhất định của Ủy ban; và khi các thành viên thừa nhận thẩm quyền đó thì các thành viên này phải thực hiện thông báo về việc thừa nhận thẩm quyền đó cho Tổng thư ký Liên hợp quốc.

**CHUYÊN ĐỀ 3: QUÁ TRÌNH VIỆT NAM THAM GIA**

**CÔNG ƯỚC CHỐNG TRA TẤN**

**I. QUÁ TRÌNH VIỆT NAM THAM GIA CÔNG ƯỚC CHỐNG TRA TẤN**

Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký tham gia Công ước của Liên hợp quốc về chống tra tấn

Ngày 07/11/2013

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về chống tra tấn

Ngày 28/11/2014

Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam chính thức nộp văn kiện phê chuẩn Công ước chống tra tấn tới Tổng Thư ký Liên hợp quốc

Ngày 05/02/2015

Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Công ước chống tra tấn (Quyết định số 364/QĐ-TTg)

Ngày 17/3/2015

Việt Nam chính thức gửi Báo cáo quốc gia về thực thi Công ước Chống tra tấn lần thứ nhất tới Ủy ban Chống tra tấn.

Ngày 20/7/2017

Đoàn công tác của Việt Nam tham dự Phiên đối thoại với Ủy ban Chống tra tấn về Báo cáo quốc gia lần thứ nhất.

Ngày 10-11/11/2018

Việt Nam đang xây dựng Báo cáo quốc gia lần thứ lần thứ hai về thực thi Công ước chống tra tấn.

Tháng 11/2022

Việc tham gia Công ước chống tra tấn là bước đi cụ thể trong quá trình chủ động và tích cực hội nhập quốc tế của Việt Nam, khẳng định Việt Nam là thành viên tích cực và có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế, nâng cao đáng kể uy tín quốc tế của Việt Nam trên lĩnh vực nhân quyền và tạo ra những động lực, cơ sở mới để thúc đẩy hoạt động phòng, chống tra tấn ở nước ta hiện nay.

 **II. CÁC QUY ĐỊNH CỦA CÔNG ƯỚC CHỐNG TRA TẤN MÀ VIỆT NAM BẢO LƯU HOẶC KHÔNG CÔNG NHẬN TẠI THỜI ĐIỂM PHÊ CHUẨN**

Tại thời điểm phê chuẩn Công ước, Việt Nam đã tuyên bố không công nhận thẩm quyền của Ủy ban Chống tra tấn trong việc điều tra tình huống tra tấn diễn ra trên diện rộng tại quốc gia thành viên (Điều 20); và bảo lưu khoản 1 Điều 30 Công ước Chống tra tấn về giải quyết tranh chấp trong quá trình thực hiện, giải thích quy định Công ước Chống tra tấn.

Bên cạnh đó, Việt Nam tuyên bố không coi Công ước là cơ sở pháp lý trực tiếp để thực hiện dẫn độ đối với các tội phạm được quy định tại Điều 4 Công ước. Việc dẫn độ các tội phạm này sẽ được quyết định dựa trên cơ sở các điều ước quốc tế về dẫn độ mà Việt Nam là thành viên và nguyên tắc có đi có lại; đồng thời việc thực hiện dẫn độ sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật của Việt Nam.

**III. VIỆC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÔNG ƯỚC CHỐNG TRA TẤN CỦA VIỆT NAM**

Nhằm đảm bảo việc tổ chức thực hiện Công ước Chống tra tấn được hiệu quả, 17/3/2015, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Công ước Chống tra tấn tại Việt Nam (Quyết định số 364/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ). Tại Kế hoạch nói trên, Việt Nam đã xác định rõ các nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện để triển khai thực hiện Công ước; phân công nhiệm vụ chủ trì, phối hợp cũng như thời gian triển khai thực hiện. Các nhiệm vụ chủ yếu được quy định tại Kế hoạch gồm có:

(1) Tuyên truyền, phổ biến pháp luật phòng, chống tra tấn và nội dung Công ước chống tra tấn

(2) Nội luật hóa và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật đáp ứng yêu cầu của Công ước chống tra tấn, trong đó có:

 (3) Thành lập Tổ công tác liên ngành về thực hiện Công ước chống tra tấn nhằm xây dựng Báo cáo quốc gia về thực thi Công ước Chống tra tấn và tham dự Phiên đối thoại với Ủy ban Chống tra tấn.

(4) Hợp tác quốc tế trong phòng, chống tra tấn, trong đó có nghiên cứu thiết lập mối quan hệ hợp tác với các quốc gia thành viên Công ước để trao đổi thông tin, học tập kinh nghiệm về tổ chức, biện pháp, phương tiện và sử dụng trang thiết bị có hiệu quả về phòng, chống tra tấn;

(5) Các nội dung cần thiết khác để triển khai thực hiện Công ước, trong đó có: Rà soát các quy định pháp luật liên quan và đánh giá điều kiện về cơ sở vật chất của các cơ sở giam giữ, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng, cơ sở cai nghiện…; đề xuất phương hướng, lộ trình khắc phục; Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý các hành vi vi phạm về thực hiện Công ước.

Đến nay, hầu hết các nhiệm vụ được đề ra tại Kế hoạch (trừ các nhiệm vụ mang tính dài hạn như phổ biến, giáo dục pháp luật, rà soát pháp luật, hợp tác quốc tế, đánh giá và nâng cao điều kiện cơ sở vật chất nơi giam giữ, cơ sở giáo dục bắt buộc…) đã được hoàn thành.

|  |  |
| --- | --- |
| Hiến pháp năm 2013 | - Chương II Hiến pháp năm 2013 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có 36 điều quy định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, trong đó có quyền bình đẳng trước pháp luật, không bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội, quyền sống, quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm, không bị tra tấn…- Quyền không bị tra tấn hoặc đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người đã được quy định tại khoản 1 Điều 20 Hiến pháp năm 2013, theo đó: “Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử |
| Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) | Sửa đổi, bổ sung tội bức cung (Điều 374); tội dùng nhục hình (Điều 373); tội mua chuộc hoặc cưỡng ép người khác trong việc khai báo, cung cấp tài liệu (Điều 384)… |
| Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) | Quy định các nguyên tắc: Nghiêm cấm tra tấn, bức cung, dùng nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, tính mạng, sức khỏe con người (Điều 10); bảo hộ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của cá nhân (Điều 11). |
| Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 | Quy định các nguyên tắc: tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, bảo đảm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; bảo đảm nhân đạo xã hội chủ nghĩa; tôn trọng nhân phẩm, quyền, lợi ích hợp pháp của người chấp hành án (Điều 4); cấm nhận hối lộ, sách nhiễu trong thi hành án hình sự; cản trở người chấp hành án thực hiện quyền được đề nghị miễn, giảm thời hạn chấp hành án (Điều 9)... |
| Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 | quy định về việc cấm tra tấn, truy bức, dùng nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tạm giữ, người bị tạm giam (các điều 4 và 8). |
| - Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015 | Quy định nghiêm cấm bức cung, dùng nhục hình và các hình thức tra tấn hoặc đối xử, trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo, hạ nhục con người hay bất kỳ hình thức nào khác xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân (Điều 14). |
| Luật Khiếu nại năm 2011 | bảo đảm quyền được khiếu nại và giải quyết khiếu nại cho mọi cá nhân, tổ chức, trong đó có nạn nhân bị tra tấn; cấm cản trở, gây phiền hà cho người thực hiện quyền khiếu nại; đe doạ, trả thù, trù dập người khiếu nại (các điều 1 và 6). |
| Luật Tố cáo năm 2018 | quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ và hành vi vi phạm pháp luật khác về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực; bảo vệ người tố cáo; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong việc quản lý công tác giải quyết tố cáo ( các điều 1, 4, 5, 8, 9 ). |
| Các Luật, Bộ luật khác | Luật tổ chức Quốc hội năm 2014 (Điều 33), Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 (Điều 21), Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 (khoản 1 Điều 2), Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 (khoản 2 Điều 2, điểm b khoản 2 Điều 3, điểm b khoản 2 Điều 4), Luật Công an nhân dân năm 2014 (khoản 2 Điều 15), Luật sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam năm 1999 (Điều 26), Luật An ninh quốc gia năm 2004 (khoản 6 Điều 13), Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng năm 2015 (Điều 7)... đều quy định trách nhiệm của các cơ quan và cá nhân trong bảo vệ quyền con người. |
| Việc bảo vệ quyền con người, quyền không bị tra tấn còn được quy định trong Bộ luật lao động năm 2019, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007, Luật Bình đẳng giới năm 2006, Luật báo chí năm 2016, Luật công đoàn năm 2012, Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008 (sửa đổi năm 2014), Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017, Luật Trẻ em năm 2016, Luật Giáo dục năm 2019, Luật cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi năm 2019), Luật viên chức năm 2010 (sửa đổi năm 2019) và Luật tiếp cận thông tin năm 2016... |
| Các Công ước quốc tế | Ngày 28/11/2014, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thông qua Nghị quyết số 83/2014/QH13 phê chuẩn Công ước chống tra tấn của Liên hợp quốc. Đồng thời, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 364/QĐ-TTg ngày 17/3/2015 về việc phê duyệt kế hoạch triển khai thực hiện Công ước chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người. Điều 3 Nghị quyết số 83/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phê chuẩn Công ước chống tra tấn nêu rõ : “Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xây dựng, hoàn thiện pháp luật để phù hợp với các quy định của Công ước chống tra tấn”. Như vậy, Việt Nam thực hiện nội luật hóa các quy định của Công ước, đặc biệt là việc hình sự hóa hành vi tra tấn và sửa đổi, bổ sung các quy định về điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án phạt tù, khiếu nại, tố cáo, dẫn độ, quản lý xuất nhập cảnh, trục xuất, trao trả… |
|  | Việt Nam cũng tham gia nhiều công ước quốc tế khác liên quan đến việc bảo vệ quyền con người và luật nhân đạo quốc tế và đang tiếp tục nghiên cứu khả năng tham gia Công ước quốc tế về bảo vệ tất cả mọi người khỏi bị cưỡng bức mất tích (CPED), Công ước về quyền của người lao động di cư và thành viên gia đình họ (ICRMW), Công ước về quy chế của người tị nạn (CSR), Công ước về người không có quốc tịch (CSSP)… |

**IV. CÁC CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN THỰC THI, THEO DÕI TÌNH HÌNH THỰC THI CÔNG ƯỚC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hệ thống cơ quan nhà nước |  - Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, lập pháp và giám sát tối cao các hoạt động của Nhà nước (Điều 69 Hiến pháp năm 2013), trong đó có xây dựng, sửa đổi, ban hành và giám sát việc thực hiện các đạo luật có quy định về cấm tra tấn và các hình thức đối xử, trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người. - Chính phủ thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội (Điều 94 Hiến pháp năm 2013); có trách nhiệm triển khai thực hiện Công ước từ trung ương đến địa phương, bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền con người, chống oan, sai trong quá trình thực thi công vụ. Chính phủ gồm 18 bộ, 04 cơ quan ngang bộ và 08 cơ quan thuộc Chính phủ, trong đó các cơ quan có trách nhiệm chính trong việc triển khai Công ước là: Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng, Bộ Thông tin và Truyền thông…          - Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử và thực hiện quyền tư pháp. Tòa án nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân (Điều 102 Hiến pháp năm 2013). Hệ thống Tòa án nhân dân gồm 04 cấp: Tòa án nhân dân tối cao, 03 tòa án nhân dân cấp cao, 63 tòa án nhân dân cấp tỉnh, 710 tòa án nhân dân cấp huyện, 01 tòa án quân sự trung ương, 09 tòa án quân sự cấp quân khu, 17 tòa án quân sự cấp khu vực. Căn cứ Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 và Thông tư số 01/2016/TT-CA ngày 21/01/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định việc tổ chức các tòa án chuyên trách tại Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương, Tòa gia đình và người chưa thành niên đã được tổ chức trong hệ thống Tòa án Việt Nam tại Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh (năm 2016).          - Viện kiểm sát nhân dân là cơ quan thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có nhiệm vụ bảo vệ Hiến pháp và pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất (Điều 107 Hiến pháp năm 2013). Hệ thống Viện kiểm sát nhân dân gồm 04 cấp: Viện kiểm sát nhân dân tối cao, 03 viện kiểm sát nhân dân cấp cao, 63 viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, 710 Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện; 01 viện kiểm sát quân sự trung ương, 11 viện kiểm sát quân sự quân khu và tương đương, 28 viện kiểm sát quân sự khu vực. |
| Các cơ quan chuyên biệt | a) Hệ thống cơ quan điều tra        Theo quy định tại [Điều 4 Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự 2015](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Trach-nhiem-hinh-su/Luat-to-chuc-co-quan-dieu-tra-hinh-su-2015-298378.aspx?anchor=dieu_4), hệ thống cơ quan điều tra gồm những nhóm cơ quan sau:* Cơ quan Điều tra của Công an nhân dân.
* Cơ quan Điều tra trong Quân đội nhân dân.
* Cơ quan Điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

        (1) Cơ quan Điều tra của Công an nhân dân - Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an; Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Cơ quan An ninh điều tra Công an cấp tỉnh). - Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh); Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện). (2) Cơ quan Điều tra trong Quân đội nhân dân - Cơ quan An ninh điều tra Bộ Quốc phòng; Cơ quan An ninh điều tra quân khu và tương đương. - Cơ quan điều tra hình sự Bộ Quốc phòng; Cơ quan điều tra hình sự quân khu và tương đương; Cơ quan điều tra hình sự khu vực. (3) Cơ quan Điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao. - Cơ quan điều tra Viện kiểm sát quân sự trung ương.*\*Nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan điều tra:** Tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố.
* Tiếp nhận hồ sơ vụ án do cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra chuyển giao.
* Tiến hành điều tra các tội phạm, áp dụng mọi biện pháp do luật định để phát hiện, xác định tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội; lập hồ sơ, đề nghị truy tố.
* Tìm ra nguyên nhân, điều kiện phạm tội và yêu cầu các cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp khắc phục và ngăn ngừa.
 |
| b) Hệ thống cơ quan quản lý và thi hành án hình sự        Theo quy định tại Điều 11 Luật thi hành án hình sự 2019, hệ thống tổ chức thi hành án hình sự bao gồm ba loại: cơ quan quản lý thi hành án hình sự, Cơ quan thi hành án hình sự và cơ quan được giao một số nhiệm vụ thi hành án hình sự. - Thứ nhất, cơ quan quản lý thi hành án hình sự bao gồm cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an, cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Quốc phòng. - Thứ hai, cơ quan thi hành án hình sự bao gồm trại giam thuộc Bộ Công an, trại giam thuộc Bộ Quốc phòng, trại giam thuộc quân khu; Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Cơ quan thi hành án hình sự quân khu và tương đương. - Thứ ba, cơ quan được giao một số nhiệm vụ thi hành án hình sự bao gồm trại tạm giam thuộc Bộ Công an, trại tạm giam thuộc Bộ Quốc phòng, trại tạm giam thuộc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trại tạm giam cấp quân khu; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; đơn vị quân đội cấp trung đoàn và tương đương. |
| c) Hệ thống cơ quan quản lý và thi hành tạm giữ, tạm giam          - Luật thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 quy định hai hệ thống cơ quan gồm cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam và cơ quan thi hành tạm giữ, tạm giam. Hệ thống tổ chức cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam gồm:          + Cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam trong Công an nhân dân: cơ quan quản lý thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp thuộc Bộ Công an; cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh; cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện.          + Cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam trong Quân đội nhân dân: cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Quốc phòng; cơ quan thi hành án hình sự quân khu và tương đương; Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh.          - Hệ thống tổ chức cơ quan thi hành tạm giữ, tạm giam: trại tạm giam thuộc Bộ Công an; trại tạm giam thuộc Bộ Quốc phòng; trại tạm giam Công an cấp tỉnh; trại tạm giam thuộc quân khu và tương đương; nhà tạm giữ Công an cấp huyện; nhà tạm giữ cơ quan điều tra hình sự khu vực trong Quân đội nhân dân; buồng tạm giữ của Đồn biên phòng ở biên giới, hải đảo xa trung tâm hành chính cấp huyện. |
| Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức, cá nhân |  Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Các tổ chức thành viên của Mặt trận và các tổ chức xã hội khác có trách nhiệm đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, tăng cường đồng thuận xã hội; giám sát, phản biện xã hội (Điều 9 Hiến pháp năm 2013) Các tổ chức, cá nhân có quyền tham gia hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật và thực thi Công ước. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tạo điều kiện và khuyến khích sự tham gia của các tổ chức, cá nhân trong hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật. Căn cứ vào điều kiện cụ thể của công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp huy động Hội luật gia Việt Nam, Liên đoàn luật sư Việt Nam và các đoàn luật sư, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các hội xã hội, nghề nghiệp, tổ chức nghiên cứu, đào tạo, chuyên gia, nhà khoa học có đủ điều kiện tham gia hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo cơ chế cộng tác viên (Điều 6 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật). |

1. Điều 1 Công ước Chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người. [↑](#footnote-ref-1)
2. Khoản 4 Điều 5 Công ước ICCPR quy định:*“Bất cứ người nào trở thành nạn nhân của việc bị bắt hoặc bị giam giữ bất hợp pháp đều có quyền được yêu cầu bồi thường.”* [↑](#footnote-ref-2)
3. Tập hợp các nguyên tắc về bảo vệ những người dưới mọi hình thức giam, giữ ghi nhận: *“mọi thiệt hại do hành động hoặc thiếu sót của một nhân viên công quyền đi ngược với các quyền trong tập hợp các nguyên tắc này đều phải được bồi thường theo những quy định hoặc nghĩa vụ pháp lý có thể áp dụng.”* [↑](#footnote-ref-3)
4. Các nguyên tắc về điều tra và lập tư liệu đầy đủ về hành vi tra tấn và hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người được khuyến nghị bởi Đại hội đồng Liên hợp quốc (tại Nghị quyết 55/89 ngày 4/12/2000).

Theo điểm c Điều 1 Các nguyên tắc nêu trên, mục đích của điều tra và tư liệu đầy đủ về hành vi tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục bao gồm cả việc tạo thuận lợi cho bồi thường đầy đủ và thích đáng bằng tiền và các vấn đề liên quan đến chăm sóc y tế, tái hòa nhập. [↑](#footnote-ref-4)
5. Tuyên bố về những Nguyên tắc tư pháp cơ bản đối với nạn nhân của hành vi phạm tội và sự lạm dụng quyền lực được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua tại Nghị quyết 40/34 ngày 29/11/1985.

Liên quan đến bồi thường, các đoạn 12, 13 của Tuyên bố nêu rõ, khi một khoản bồi thường đầy đủ cho thiệt hại không được thực hiện bởi người phạm tội hoặc từ các nguồn khác, nhà nước nố lự cung cấp bồi thường tài chính cho: (i) Nạn nhân phải chịu các thương tật thể chất hoặc tinh thần do các tội phạm nghiêm trọng; và (ii) Gia đình, đặc biệt là gia đình của những người chết hoặc trở nên tàn tật do là nạn nhân của hành vi tra tấn.

Các quốc gia được khuyến khích xây dựng, mở rộng các quỹ của nhà nước phục vụ cho việc bồi thường. Nếu có thể, các nguồn quỹ khác cũng có thể được thành lập cho mục đích này, đặc biệt là trong trường hợp Nhà nước không có nguồn quỹ đủ để bồi thường cho nạn nhân bị thiệt hại [↑](#footnote-ref-5)
6. Nguyên tắc số 11 Các nguyên tắc cơ bản và Hướng dẫn về quyền có biện pháp giải quyết và bồi thường cho nạn nhân của các hành vi vi phạm nghiêm trọng luật nhân quyền và luật nhân đạo quốc tế (Nghị quyết của Đại hội đồng Liên hợp quốc được thông qua ngày 10/11/2005) quy định rang các nạn nhân của hành động tra tấn và những vi phạm nghiêm trong khác về luật nhân quyền quốc tế cần được bồi thường thoả đáng, thực chất và kịp thời cho những thiệt hại phải gánh chịu; và tiếp cận thông tin liên quan đến những vi phạm và cơ chế bồi thường. [↑](#footnote-ref-6)